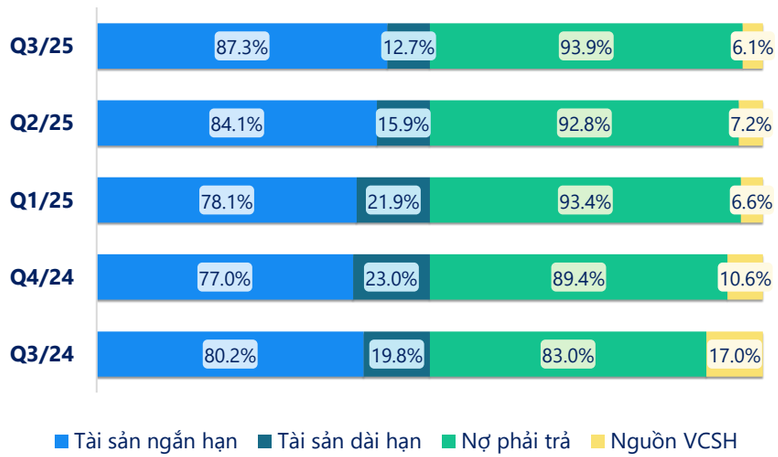
CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	4,999,933
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	18.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
P/E	-1.9
EPS	-3,689

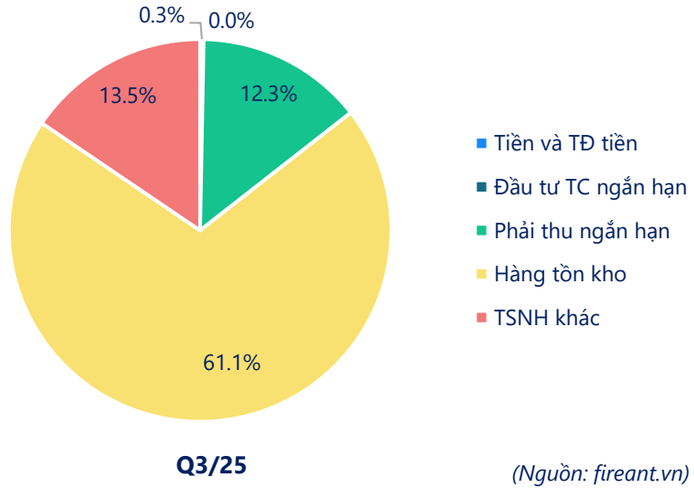
	YTD	1T	3T	6T
PTD	-17.6%	-7.9%	2.9%	-4.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



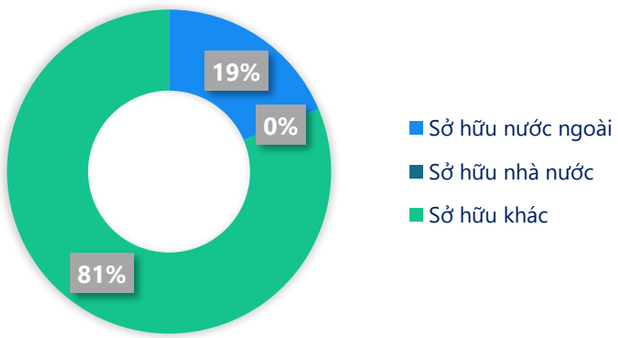
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



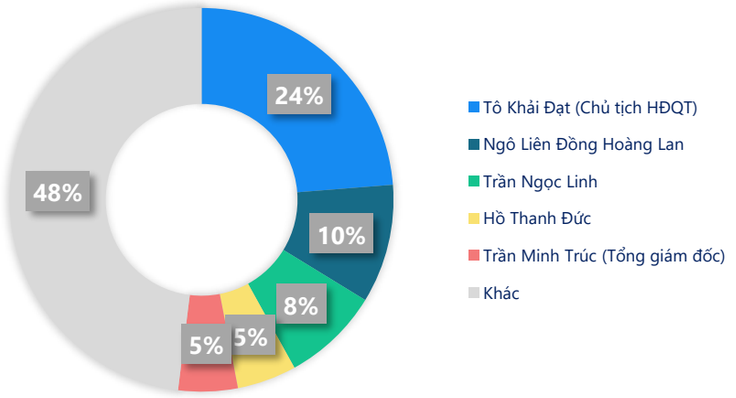
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



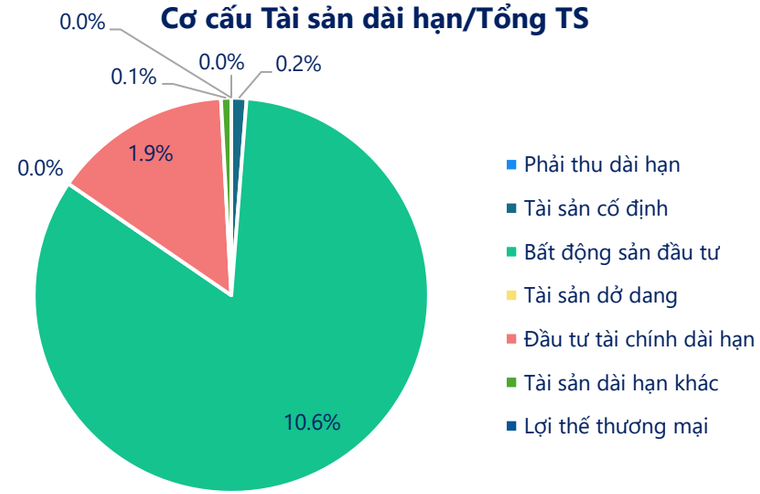
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

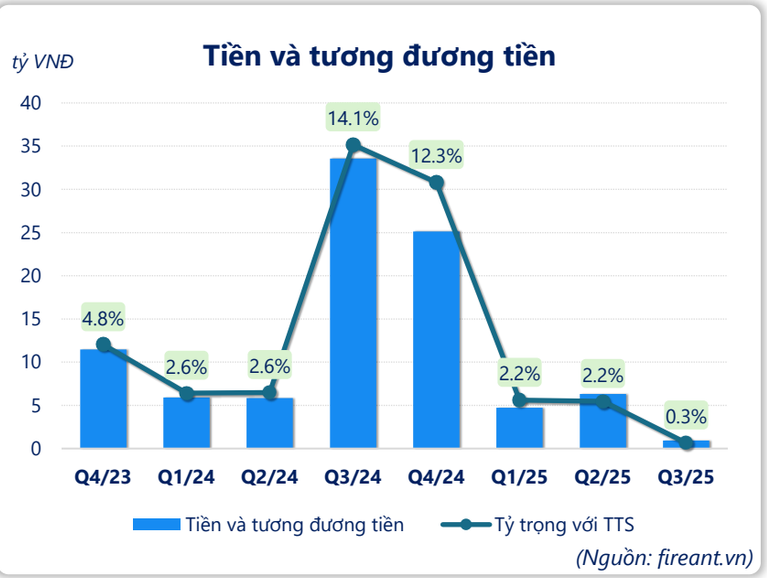
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



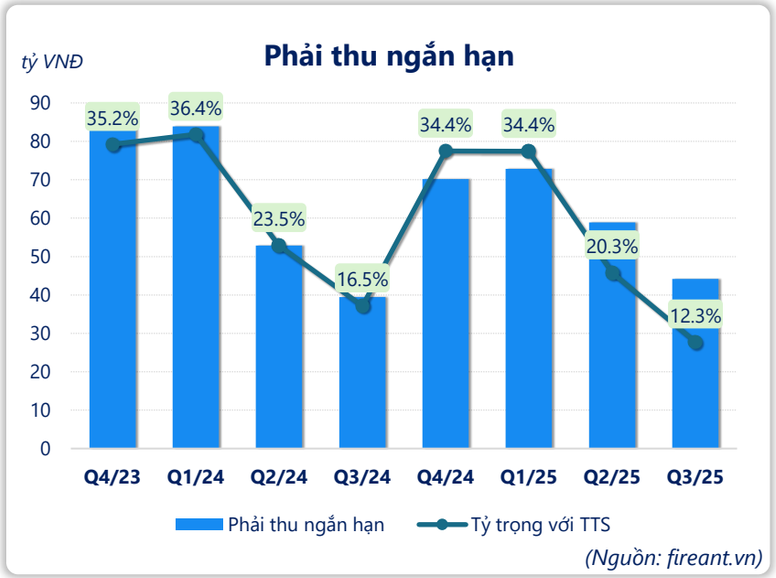
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

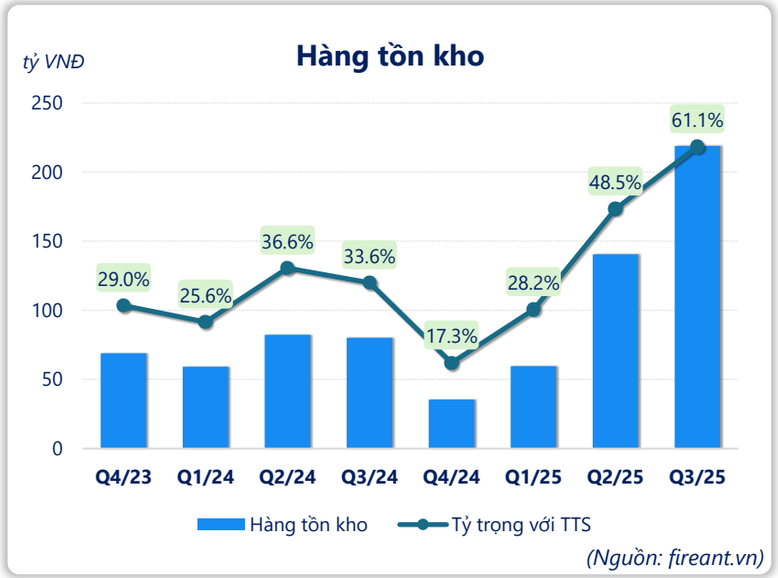
CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)



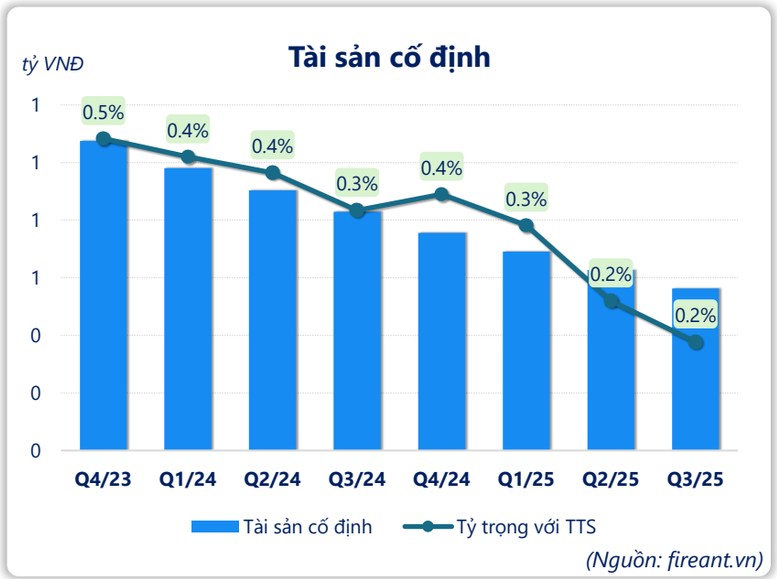
(Nguồn: fireant.vn)



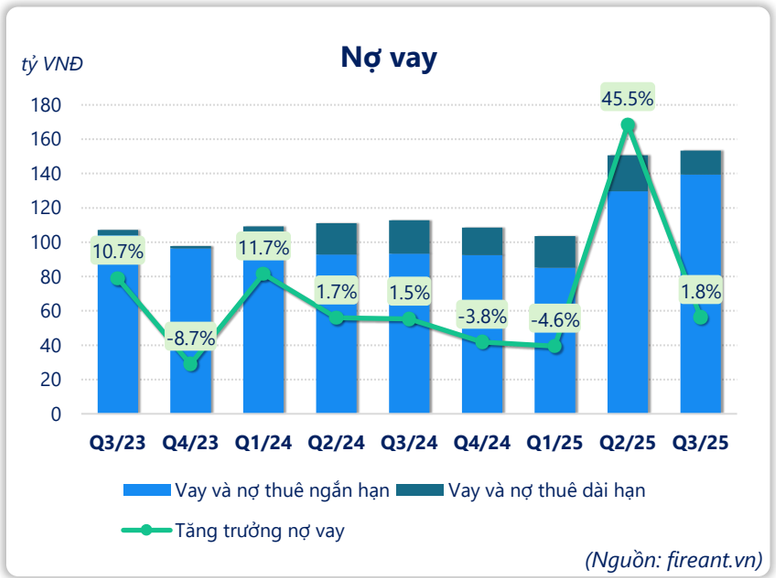
(Nguồn: fireant.vn)



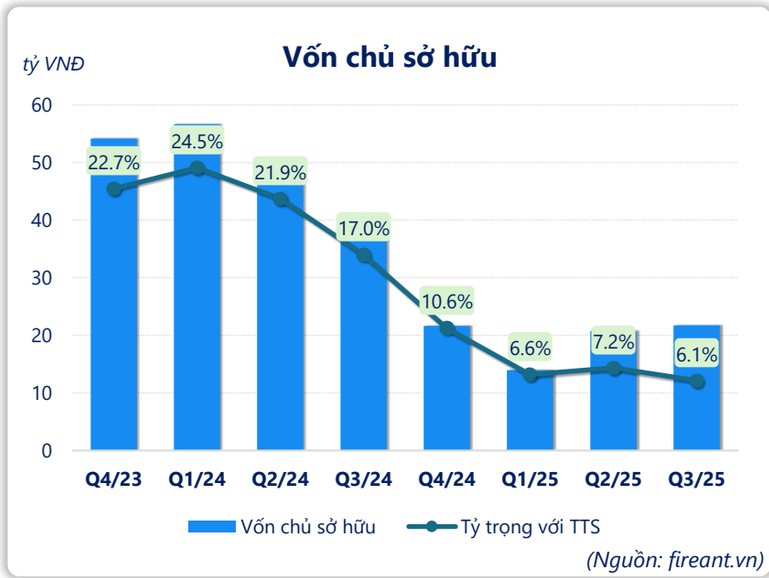
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

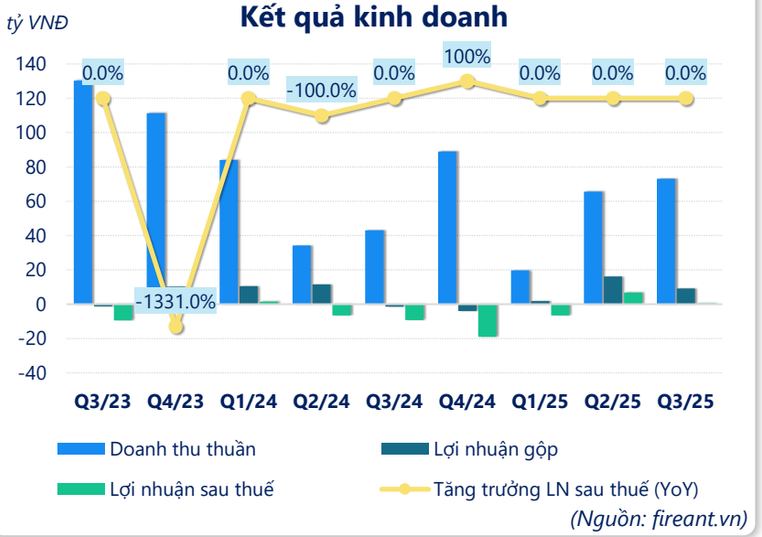


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

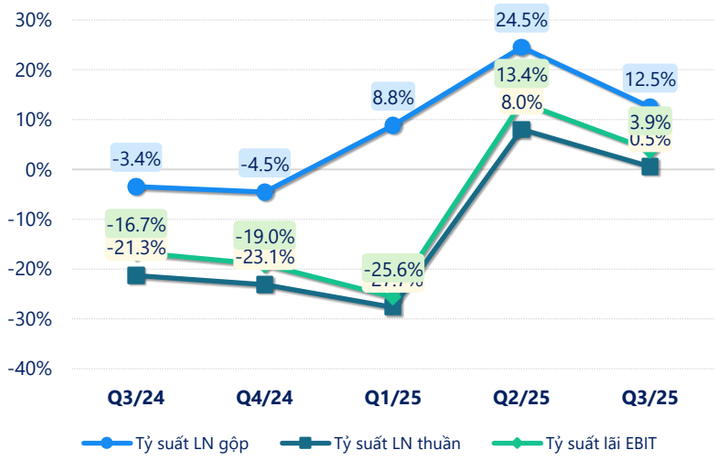
CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

Kết quả kinh doanh



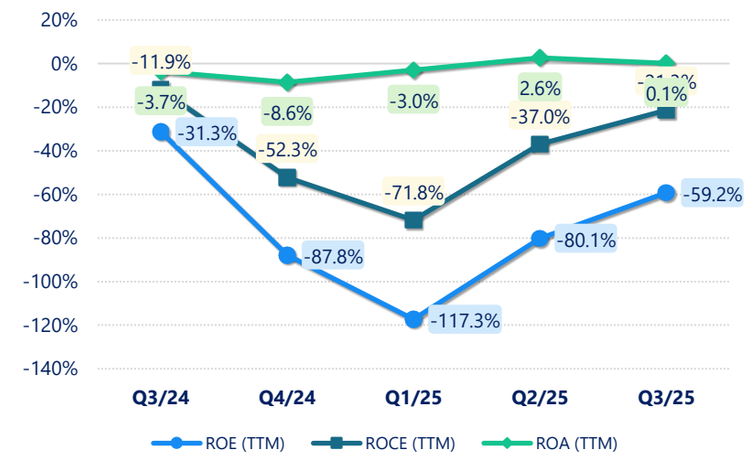
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



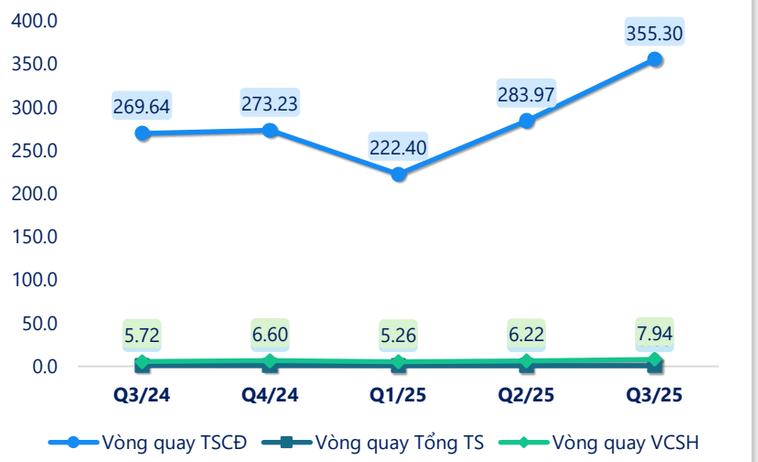
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



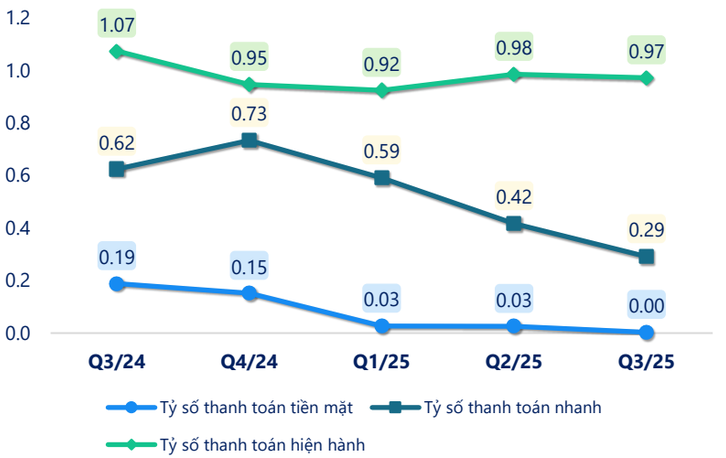
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



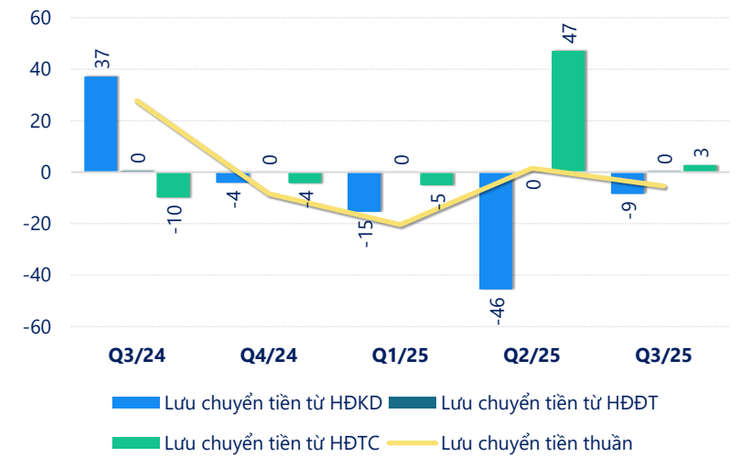
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**358**	**204**	**75.8%**
Tài sản ngắn hạn	312	157	99.5%
Tiền và tương đương tiền	0.94	25.1	-96.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	44.2	69.9	-36.7%
Hàng tồn kho	219	35.4	519%
Tài sản ngắn hạn khác	48.5	26.3	84.6%
Tài sản dài hạn	**45.4**	**46.9**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.56	0.76	-25.6%
Bất động sản đầu tư	37.9	39.4	-3.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.63	6.44	3.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.38**	**0.40**	**-3.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	336	183	83.7%
Nợ ngắn hạn	**322**	**167**	**93.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	139	92.5	50.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	113	55.3	104%
Nợ dài hạn	14.6	16.4	-11.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.0	16.1	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**21.7**	**20.6**	**5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**21.7**	**20.6**	**5.4%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	43.1	88.9	19.7	65.5	73.1
Giá vốn hàng bán	44.5	93.0	17.9	49.5	64.0
Lợi nhuận gộp	-1.47	-4.03	1.74	16.1	9.12
Doanh thu HĐTC	0.01	0.02	0.02	0.08	0.08
Chi phí TC	2.02	1.81	1.67	2.30	2.57
Chi phí lãi vay	2.02	2.01	1.59	2.03	2.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0.19	0
Chi phí bán hàng	0.52	0.64	0.49	0.83	1.09
Chi phí QLDN	5.17	14.1	5.05	7.95	5.14
LN thuần từ HĐKD	-9.17	-20.6	-5.44	5.27	0.40
Lợi nhuận khác	-0.03	1.62	-1.18	1.50	-0.04
LN trước thuế	-9.20	-18.9	-6.63	6.77	0.36
Lợi nhuận sau thuế	-9.20	-18.9	-6.63	6.77	0.36
LNST của CĐ cty mẹ	-9.20	-18.9	-6.63	6.77	0.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.1	-4.13	-15.4	-45.5	-8.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.50	0.02	0.02	0.00	0.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.88	-4.25	-5.04	47.1	2.76
Tiền đầu kỳ	5.83	33.6	25.1	4.74	6.31
Lưu chuyển tiền thuần	**27.7**	**-8.36**	**-20.4**	**1.57**	**-5.38**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	33.6	25.1	4.74	6.31	0.94

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic